UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **281**/QĐ-UBND.HC	*Đồng Tháp, ngày 21 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Đồng Tháp

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 430/TTr-SNV ngày 05 tháng 3 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thay thế Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành quy chế về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội; các doanh nghiệp; các trường Đại học, Cao đẳng; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban TĐKT Trung ương;
- TT/TU, TT/HĐND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT/UBND Tỉnh;
- Các thành viên HĐTĐKT Tỉnh;
- CVP, các PVP/UBND Tỉnh;
- Báo ĐT, Đài PTTH ĐT, Cổng TTĐT Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/KGVX. VD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Digitally signed by Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
DN: c=VN, o=Tỉnh Đồng Tháp, l=Đồng Tháp, cn=Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
Date: 2018.03.22 09:45:10 +07'00'

Nguyễn Văn Dương

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Đồng Tháp
(Kèm theo Quyết định số: 281/QĐ-UBND.HC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định: Những quy định chung; Hình thức tổ chức thi đua, loại hình khen thưởng, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hội đồng Xét duyệt sáng kiến; Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định trao tặng, quy trình, thủ tục hồ sơ; Quỹ thi đua, khen thưởng; Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, tước và phục hồi danh hiệu; Điều khoản thi hành.

Việc xét tặng các danh hiệu, các hình thức vinh danh khác của tỉnh có sau Quy định này sẽ có hướng dẫn riêng. Các nội dung không quy định tại văn bản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan Nhà nước; các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế; hộ gia đình và mọi công dân trong tỉnh, ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài đều có quyền tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, đạt được thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có những đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp được khen thưởng theo quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc khen thưởng

1. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao hơn; không nhất thiết phải theo tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau. Quan tâm khen thưởng cá nhân, tập thể từ yếu kém, phấn đấu trở thành điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; người dân tộc thiểu số; người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo. Không xét khen thưởng cho Thủ trưởng và Phó các đơn vị, địa phương khi thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm thuộc các Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức (trong xét khen thưởng thành tích theo

chuyên đề); khen thưởng công tác đặc thù chỉ xét khen cho những tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc.

3. Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận. Cụ thể:

a) Đối với khen cho cá nhân mà Luật Thi đua, khen thưởng quy định: "hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; ... là căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức hiện hành; đối với cá nhân là đảng viên được đánh giá từ mức đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đối với cá nhân không thuộc đối tượng quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thống nhất khen thưởng và đề nghị khen thưởng.

b) Đối với khen cho tập thể mà Luật Thi đua, khen thưởng quy định: "hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; .... Cụ thể:

- Đối với phòng, ban thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh; phòng, ban, ngành, UBND cấp xã thuộc UBND cấp huyện thì do Thủ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương thống nhất đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng và đề nghị khen thưởng.

- Đối với sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp huyện tham gia Khối, Cụm thi đua tỉnh thì do tập thể Khối, Cụm thi đua nhận xét, đánh giá, chấm điểm thi đua, khen thưởng và thống nhất trình Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh cho ý kiến, trình UBND tỉnh quyết định.

- Đối với tập thể có tổ chức Đảng trong năm hoặc trong giai đoạn trình khen tổ chức Đảng đó phải được đánh giá từ mức "hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên.

4. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung. Cơ quan, đơn vị, địa phương trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, đề nghị khen cống hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn trước khi nghỉ chế độ 06 tháng.

5. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (Kết quả khen thưởng thành tích theo phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng).

6. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Trong 01 năm không được vừa đề nghị tặng Bằng khen, vừa đề nghị Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh hoặc không vừa đề nghị danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, vừa đề nghị Bằng khen cấp tỉnh. Tương tự đối với các hình thức khen cấp Nhà nước (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn).

7. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian bị kỷ luật hoặc cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật, hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, hoặc các cơ quan báo chí đăng tin bài phản ánh dấu hiệu vi phạm đang được xác minh làm rõ.

Không đề nghị Bằng khen cấp tỉnh cho tập thể hoặc cá nhân khi tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn,…Trừ những trường hợp Bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh có Kế hoạch hoặc có ý kiến thống nhất khen thưởng bằng văn bản (do đơn vị, địa phương xin ý kiến).

Không đề nghị UBND Tỉnh công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh" đối với tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (chỉ xét, tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị của trung ương tham gia khối, cụm thi đua ở tỉnh).

Điều 4. Đăng ký thi đua

1. Các đơn vị cơ sở, các đơn vị trực thuộc tổ chức cho các cá nhân, tập thể trong đơn vị đăng ký phấn đấu các nội dung, chỉ tiêu thi đua, danh hiệu thi đua hàng năm và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua tới Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ quan quản lý ***trước ngày 15/2 hàng năm***.

2. Các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh,…, các doanh nghiệp, các trường đại học, cao đẳng tổ chức cho các đơn vị trực thuộc ký kết giao ước thi đua; đăng ký các chỉ tiêu, tiêu chí thi đua; các danh hiệu thi đua của cơ quan, đơn vị và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua tới Sở Nội vụ ***trước ngày 01/3 hàng năm***.

3. Trưởng các khối, cụm thi đua do UBND tỉnh thành lập: Tổ chức ký kết giao ước thi đua, đăng ký phấn đấu hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua; danh hiệu thi đua cho các đơn vị thành viên trong khối, cụm và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua tới Sở Nội vụ ***trước ngày 15/3 hàng năm***.

4. Đối với phong trào thi đua theo đợt do Chủ tịch UBND tỉnh phát động trong một thời gian ngắn, nhằm hoàn thành kế hoạch những nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất theo từng giai đoạn và thời gian xác định, thì việc đăng ký thi đua, đánh giá, tổng kết phong trào thi đua gắn với việc tổng kết nhiệm vụ công tác năm thi đua.

5. Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch UBND tỉnh phát động: Trên cơ sở kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

cấp tỉnh,…xây dựng, đăng ký các mục tiêu, chỉ tiêu thi đua, giải pháp thực hiện và kết quả phấn đấu đạt được các hình thức khen thưởng cụ thể, gửi tới Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp.

6. Đối với các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề do các ngành, địa phương phát động: Trên cơ sở kế hoạch của ngành, của địa phương có đầy đủ các nội dung gửi về Sở Nội vụ **sau 05 ngày** làm việc kể từ ngày triển khai kế hoạch.

Điều 5. Tỷ lệ khen thưởng

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua cấp tỉnh.

3. Đối với đơn vị được Khối, Cụm thi đua tỉnh bình bầu, suy tôn cờ, bằng khen sẽ được xem xét tỷ lệ cao hơn đơn vị không được bình bầu, suy tôn cờ, bằng khen. Cụ thể:

- Đơn vị được suy tôn Cờ: xét đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen, Tập thể Lao động xuất sắc không quá 50% tập thể và cá nhân đủ chuẩn thuộc đơn vị.

- Đơn vị được suy tôn Bằng khen: xét đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen, Tập thể Lao động xuất sắc không quá 40% tập thể và cá nhân đủ chuẩn thuộc đơn vị.

- Đơn vị không được suy tôn Cờ hoặc Bằng khen: xét đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen, Tập thể Lao động xuất sắc không quá 30% tập thể và cá nhân đủ chuẩn thuộc đơn vị.

4. Đối với ngành giáo dục và đào tạo:

a) Bằng khen cấp tỉnh đối với cá nhân:

- Ngành giáo dục và đào tạo cấp huyện được ngành giáo dục và đào tạo tỉnh xếp từ hạng 1 đến 3: xét không quá 5% trong tổng số Cán bộ, giáo viên của toàn huyện.

- Ngành giáo dục và đào tạo cấp huyện được ngành giáo dục và đào tạo tỉnh xếp từ hạng 4 đến 6: xét không quá 4% trong tổng số Cán bộ, Giáo viên của toàn huyện.

- Ngành giáo dục và đào tạo cấp huyện được ngành giáo dục và đào tạo tỉnh xếp từ hạng 7 đến 9: xét không quá 3% trong tổng số Cán bộ, Giáo viên của toàn huyện.

- Ngành giáo dục và đào tạo cấp huyện được ngành giáo dục và đào tạo tỉnh xếp từ hạng 10 đến 12: xét không quá 2% trong tổng số Cán bộ, Giáo viên của toàn huyện.

b) Bằng khen cấp tỉnh đối với tập thể và danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc:

- Ngành giáo dục và đào tạo cấp huyện được ngành giáo dục và đào tạo tỉnh xếp từ hạng 1 đến 3: xét không quá 50% tập thể đủ chuẩn thuộc địa phương.

- Ngành giáo dục và đào tạo cấp huyện được ngành giáo dục và đào tạo tỉnh xếp từ hạng 4 đến 6: xét không quá 40% tập thể đủ chuẩn thuộc địa phương.

- Ngành giáo dục và đào tạo cấp huyện được ngành giáo dục và đào tạo tỉnh xếp từ hạng 7 đến 9: xét không quá 30% tập thể đủ chuẩn thuộc địa phương.

- Ngành giáo dục và đào tạo cấp huyện được ngành giáo dục và đào tạo tỉnh xếp từ hạng 10 đến 12: xét không quá 20% tập thể đủ chuẩn thuộc địa phương.

Chương II
HÌNH THỨC TỔ CHỨC THI ĐUA; LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG; HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT SÁNG KIẾN; HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Mục 1
HÌNH THỨC TỔ CHỨC THI ĐUA; LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua được phát động và tổ chức theo năm kế hoạch, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị và tổ chức. Thi đua thường xuyên chính là việc thực hiện có hiệu quả những công việc và nhiệm vụ chuyên môn hàng ngày.

Đối tượng tham gia thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị và tổ chức; hoặc giữa các cơ quan, đơn vị và tổ chức có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng (theo khối, cụm thi đua).

Cơ quan, đơn vị và tổ chức phát động các phong trào thi đua thường xuyên ngay từ đầu năm và phải có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và các nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện. Đối tượng tham gia phong trào thi đua thường xuyên phải đăng ký chỉ tiêu, danh hiệu thi đua (đăng ký tham gia phong trào thi đua thường xuyên).

Kết thúc năm công tác, người đứng đầu cơ quan, đơn vị và tổ chức tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua, đề xuất hình thức khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức và triển khai thực hiện các phong trào thi đua thường xuyên.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong khoảng thời gian nhất định và được phát động khi đã xác định rõ chỉ tiêu, tiêu chí, nội dung, biện pháp và thời gian thực hiện.

Thi đua theo chuyên đề có thể tổ chức với quy mô rộng lớn (trong phạm vi cấp huyện, cấp ngành hoặc cả tỉnh). Khi tiến hành sơ, tổng kết thi đua chỉ thực hiện hình thức khen thưởng của cấp phát động thi đua.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm tốt trong các đối tượng tham gia thi đua.

Điều 8. Yêu cầu tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua phải bám sát nhiệm vụ chính trị để đề ra các mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và biện pháp thi đua cụ thể; tập trung phấn đấu hoàn thành toàn diện, vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ*;* đảm bảo thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị và tổ chức; khả năng tham gia của quần chúng, người lao động.

2. Phong trào thi đua cần hướng về cơ sở và người lao động trực tiếp, cần có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện. Chú trọng làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của phong trào thi đua; cổ vũ, động viên, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác tham gia của mỗi cá nhân.

3. Coi trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, sơ kết rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng đối với các phong trào thi đua có quy mô lớn, tầm ảnh hưởng rộng, nhiều đối tượng tham gia.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua. Chú trọng xây dựng, bồi dưỡng, phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua.

5. Sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua; đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai để khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu trong phong trào thi đua.

6. Đa dạng hoá các hình thức tổ chức phong trào thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức, lãng phí trong tổ chức phong trào thi đua.

Điều 9. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước,

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận. Là thành tích được cơ quan, tổ chức trong khu vực (Đông Nam Á; Châu Á; Châu Âu;...) hoặc thế giới tặng thưởng Huy chương, Giải thưởng, Giấy chứng nhận và các hình thức ghi nhận hợp pháp khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

Đơn vị, địa phương có tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc căn cứ quy định, tình hình thực tiễn và phạm vi ảnh hưởng, kịp thời hoàn thiện hồ sơ, trình UBND tỉnh xem xét.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Mục 2
SÁNG KIẾN; HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT SÁNG KIẾN; HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 10. Sáng kiến

1. Về sáng kiến: đề tài nghiên cứu khoa học; sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu để làm căn cứ để xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng.

Đối tượng được công nhận có sáng kiến gồm: Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật đã được ứng dụng vào thực tiễn nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh và hiệu suất công tác...được cấp có thẩm quyền công nhận đã được nghiệm thu, áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực.

Giải pháp kỹ thuật: là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ hoặc một vấn đề xác định mà việc ứng dụng nó tạo ra. Bao gồm quy trình hoặc sản phẩm dưới dạng vật thể, chất, vật liệu sinh học, giống cây trồng, vật nuôi...hoặc quy trình công nghệ, quy trình chuẩn đoán giúp chữa bệnh hiệu quả cho người, vật nuôi và cây trồng...

Giải pháp quản lý: Là những sáng tạo trong điều hành công việc, xây dựng mới về cách thức, phương pháp tổ chức, kiểm tra, giám sát công việc hoặc trong việc xây dựng cơ chế chính sách, chương trình, kế hoạch hoạt động, hoặc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước thông qua việc cải cách hành chính được áp dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả trong hoạt động quản lý ở các cơ quan, đơn vị và tổ chức.

Giải pháp tác nghiệp: Là phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao ở tất cả các lĩnh vực, như phương pháp thực hiện cải tiến thủ tục hành chính; phương pháp thẩm định, giám điịnh, tư vấn, đánh giá; phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện...

Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật: Là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao so với trước.

Việc xem xét, công nhận sáng kiến được thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm tính khoa học, chính xác, công khai và khách quan. Các sáng kiến của cá nhân khi đề nghị xem xét, công nhận phải có tính mới, tính sáng tạo và có khả năng áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả thiết thực về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

2. Thẩm quyền công nhận:

a) Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh; Giám đốc các doanh nghiệp nơi đăng ký sáng kiến hoặc có sáng kiến áp dụng (hoặc tương đương).

b) Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch UBND Tỉnh.

c) Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"; ở cấp tỉnh thì xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh"; ở cấp toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

Điều 11. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến các cấp

Hội đồng Xét duyệt sáng kiến các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng các cấp gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến các cấp có nhiệm vụ giúp người đứng đầu công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

Trong năm Hội đồng sáng kiến các cấp ít nhất có 02 lần họp xét công nhận sáng kiến, để đáp ứng kịp thời cho việc xét công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

1. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh: không quá 13 thành viên, do Chủ tịch UBND Tỉnh/Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng; các Phó Chủ tịch, Uỷ viên và Thư ký hội đồng (có Quyết định riêng).

Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

2. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở (ngành tỉnh hoặc tương đương): không quá 10 thành viên, do Thủ trưởng các các ngành tỉnh hoặc tương đương làm Chủ tịch Hội đồng; các Phó Chủ tịch, Uỷ viên và Thư ký hội đồng.

Văn phòng hoặc bộ phận tương đương là thường trực của Hội đồng.

3. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở (cấp huyện): không quá 13 thành viên, do Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố làm Chủ tịch Hội đồng; các Phó Chủ tịch, Uỷ viên và Thư ký hội đồng.

Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

4. Tổ giúp việc: gồm đại diện một số lãnh đạo phòng, ban chuyên môn để làm tham mưu cho Hội đồng. Thành phần, số lượng thành viên của Tổ Giúp việc do Chủ tịch Hội đồng quyết định lựa chọn (một số cơ quan, đơn vị có quy mô nhỏ, sáng kiến ít thì không cần thiết có Tổ Giúp việc).

Điều 12. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng và chính quyền cấp tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

b) Cơ cấu Hội đồng, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Phó Chủ tịch Hội đồng có tối đa 03 Phó Chủ tịch, gồm: Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch thường trực; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.

- Các thành viên Hội đồng có từ 10 đến 11 thành viên là lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất, đề ra các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của địa phương.

- Đôn đốc kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của địa phương.

- Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng của địa phương, đơn vị để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

- Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đoàn thể của tỉnh thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các đơn vị đó.

d) Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng và chính quyền cấp huyện về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

b) Cơ cấu Hội đồng, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

- Phó Chủ tịch Hội đồng tối đa 03 Phó Chủ tịch, gồm: Lãnh đạo Phòng Nội vụ là Phó Chủ tịch thường trực; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện.

- Các thành viên Hội đồng có từ 10 đến 11 thành viên là lãnh đạo các phòng, ban, ngành cấp huyện do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất, đề ra các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của địa phương.

- Đôn đốc kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của địa phương.

- Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng của địa phương để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

d) Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Thủ trưởng cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng.

b) Cơ cấu Hội đồng, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan.

- Phó Chủ tịch Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch, gồm: Cấp phó thường trực của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; Chủ tịch công đoàn cùng cấp là phó chủ tịch Hội đồng.

- Các thành viên Hội đồng có từ 8 đến 10 thành viên là lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; đại diện các tổ chức chính trị xã hội cùng cấp do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất, đề ra các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Đôn đốc kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Tham mưu, tư vấn cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội tỉnh quyết định xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của cơ quan, đơn vị, hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng.

- Văn phòng (hoặc Phòng Hành chính – Tổng hợp hoặc Bộ phận) phụ trách thi đua, khen thưởng là Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng.

Chương III
DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG
Mục 1
DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 13. Danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến":

1. Tiêu chuẩn:

a) Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

b) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này được xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến".

c) Danh hiệu "Lao động tiên tiến" xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại điểm a và b, khoản này đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng".

Theo quy định công nhân, nông dân, người lao động phải đăng ký thi đua. Tuy nhiên, cá nhân tích cực tham gia các phong trào thi đua cơ quan, đoàn thể phát động và đảm bảo các tiêu chuẩn; nhưng vì lý do khách quan mà không đăng ký thi đua, thì tuỳ điều kiện cụ thể có thể được xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến".

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến". Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến".

4. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến".

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

6. Không xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 14. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở":

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc "Chiến sĩ tiên tiến";

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

Sáng kiến đối với nông dân do Hội đồng sáng kiến cấp huyện công nhận. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nông dân cư trú đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở" cho nông dân.

Trên thực tế có trường hợp nông dân chưa được bình bầu là "Lao động tiên tiến" nhưng có sáng kiến được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao thì được đề nghị đặc cách công nhận "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

Điều 15. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh":

Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 16. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc":

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

Sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 17. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao trong năm;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến đồng thời không có cá nhân nào trong tập thể bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

Điều 18. Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng":

1. Được xét tặng hàng năm cho những đối tượng sau:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã…(trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

b) Đối với cấp tỉnh, gồm: phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội (hoặc tương đương).

Ví dụ, Trung tâm Phát triển phần mềm thuộc Sở A là đơn vị sự nghiệp, có các phòng trực thuộc, các phòng này không là đối tượng được xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc".

c) Đối với cấp huyện gồm: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

2. Được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 19. Cờ thi đua cấp tỉnh:

1. Tiêu chuẩn:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Đối tượng: các tập thể được Khối, Cụm thi đua tỉnh bình xét, suy tôn và các trường hợp khác UBND tỉnh có quy định riêng.

3. Căn cứ hướng dẫn của Ban Thi đua – Khen thưởng trung ương, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân chia Khối, Cụm thi đua trong tỉnh.

Điều 20. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ":

1. Tiêu chuẩn:

a) Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Đối tượng:

a) Các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp tỉnh (tỷ lệ không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua cấp tỉnh).

b) Tỉnh dẫn đầu các Cụm thi đua do Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương tổ chức (tỉnh Đồng Tháp tham gia Cụm thi đua 12 tỉnh Tây Nam bộ).

c) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên (có hướng dẫn riêng của trung ương).

Mục 2
HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 21. Giấy khen:

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân, tập thể và gia đình lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất.

2. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Tiêu chuẩn:

a) Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích đột xuất;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích đột xuất;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí".

c) Giấy khen để tặng cho gia đình quy định tại khoản 4 Điều 76 của Luật thi đua, khen thưởng (bổ sung Luật 2013).

- Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; Mức đóng góp từ 5 đến dưới 20 triệu đồng.

- Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; Mức đóng góp trên 20 đến dưới 50 triệu đồng.

4. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Điều 22. Bằng khen của UBND Tỉnh:

Tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Tập thể, cá nhân đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế; giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia; giải nhất, nhì khu vực liên tỉnh trong nước và giải nhất chuyên ngành cấp tỉnh (khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất).

Đối với các Đội thi đấu thể thao hoặc Đội văn nghệ tham gia đạt Giải thì được tính là tập thể để khen thưởng. Ví dụ, Đội bóng đá U15 đạt Giải nhất toàn quốc thì được UBND tỉnh tặng Bằng khen (tuỳ đóng góp cụ thể mà có xem xét tặng Bằng khen cho một số cá nhân tiêu biểu nhất).

Giải nhất chuyên ngành cấp tỉnh là do Ủy ban nhân dân tỉnh là Trưởng ban Tổ chức giải thưởng hoặc ký ban hành Kế hoạch tổ chức giải thưởng hoặc ký ban hành Điều lệ (Thể lệ) giải thưởng hoặc các văn bản chỉ đạo khác của tỉnh.

2. Cá nhân, tổ chức trong, ngoài tỉnh và nước ngoài có nhiều công lao đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh (khen đối ngoại). Mức đóng góp quy ra giá trị tương đương từ 50 triệu đồng trở lên.

Đối với tập thể là doanh nghiệp: có mức đóng góp từ 100 triệu đồng trở lên.

Tập thể, cá nhân vận động tổ chức, cá nhân khác đóng góp từ 01 tỷ đồng trở lên (01 lần vận động hoặc cộng dồn trong một năm).

3. Đơn vị được bình bầu, suy tôn trong Khối, Cụm thi đua của Tỉnh.

4. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

5. Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

6. Cá nhân 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

7. Tập thể 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

8. Gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; mức đóng góp từ 50 đến dưới 500 triệu đồng.

9. Tỷ lệ khen thưởng:

a) Tổng kết phong trào thi đua (chuyên đề thi đua) từ 03 đến 05 năm: số lượng đề nghị khen không quá 05 tập thể và 10 cá nhân.

b) Tổng kết phong trào thi đua (chuyên đề thi đua) trên 05 năm: số lượng đề nghị khen không quá 10 tập thể và 20 cá nhân.

c) Đối với một số phong trào thi đua (chuyên đề thi đua) hàng năm do UBND tỉnh tổng kết và phát động thi đua, số lượng đề nghị khen thưởng không quá 05 tập thể và 10 cá nhân (hoặc tuỳ tính chất đặc thù của một số chuyên đề thi đua, số lượng khen thưởng được quy định riêng).

d) Các kỳ đại hội của Mặt trận Tổ quốc tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp:

- Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: tối đa 08 tập thể và 15 cá nhân.

- Các tổ chức chính trị - xã hội (Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Liên đoàn Lao động Tỉnh; Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM tỉnh; Hội Cựu Chiến binh tỉnh; Hội Nông dân VN tỉnh): tối đa 05 tập thể và 10 cá nhân.

- Các tổ chức xã hội nghề nghiệp (kể cả đơn vị không được tham gia Khối thi đua của tỉnh): tối đa 01 tập thể và 03 cá nhân.

e) Kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân các cấp: tối đa 05 tập thể và 10 cá nhân.

Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng trong các kỳ đại hội, kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân phải hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong suốt nhiệm kỳ trước và không vi phạm bị kỷ luật dưới mọi hình thức.

f) Kỷ niệm ngày thành lập cơ quan, đơn vị từ 10, 20, 30 năm…

- Kỷ niệm ngày thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (hoặc tương đương), huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: không quá 05 tập thể.

Trong 05 năm gần nhất, tập thể (chính quyền, đảng, đoàn thể) đơn vị đó được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Kỷ niệm ngày thành lập các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (hoặc tương đương) và UBND cấp huyện:

Thủ trưởng đơn vị, địa phương xem xét, khen thưởng bằng hình thức khen thuộc thẩm quyền (tỉnh không khen).

Ví dụ: kỷ niệm 30 năm thành lập xã....., do UBND cấp huyện xem xét, khen thưởng.

h) Đối với phong trào thi đua (chuyên đề thi đua) do cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức trong nội bộ ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương: xem xét, khen thưởng theo thẩm quyền (tỉnh không khen).

i) Hình thức thưởng kèm theo bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh đối với kỷ niệm ngày thành lập cơ quan, đơn vị:

Đối với đơn vị hành chính Nhà nước: thực hiện thưởng kèm theo bằng khen là tiền;

Đơn vị doanh nghiệp, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn: thực hiện thưởng kèm theo bằng khen là tặng phẩm lưu niệm.

Điều 23. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

1. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương hoặc bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong thời gian đó có 05 lần được tặng Giấy khen trở lên.

2. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện.

b) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương hoặc bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được thành tích đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

c) Đã được tặng Bằng khen cấp tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen cấp tỉnh.

4. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; Mức đóng góp 500 triệu đồng trở lên (đối với tổ chức, cá nhân là doanh nghiệp; mức đóng góp từ 01 tỷ đồng trở lên, đóng góp một lần hoặc cộng dồn trong năm).

Điều 24. Huân chương Lao động hạng Nhất:

1. "Huân chương Lao động" hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 04 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được tỉnh công nhận;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận;

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận.

2. "Huân chương Lao động" hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 04 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao được bộ, ban, ngành trung ương công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có phát minh, sáng chế, sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trong phạm vi bộ, ban, ngành trung ương mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô

hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 05 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho nhiều lao động, được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. "Huân chương Lao động" hạng Nhất để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và phổ biến học tập nêu gương toàn quốc được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận;

b) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 02 lần được tặng Cờ thi đua của cấp tỉnh hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua của cấp tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 03 lần được tặng Bằng khen của cấp tỉnh.

4. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận, đề nghị.

Điều 25. Huân chương Lao động hạng Nhì:

1. "Huân chương Lao động" hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 03 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành trung ương, được tỉnh công nhận;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận;

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp bộ, ban, ngành trung ương tỉnh và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận.

2. "Huân chương Lao động" hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 03 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao được cấp tỉnh công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 04 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp tỉnh công nhận.

3. "Huân chương Lao động" hạng Nhì để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận;

b) Đã được tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 01 lần được tặng Cờ thi đua của cấp tỉnh hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua của cấp tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của cấp tỉnh.

4. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận, đề nghị.

Điều 26. Huân chương Lao động hạng Ba:

1. "Huân chương Lao động" hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương và được bộ, ban, ngành, trung ương, tỉnh công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận;

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận.

2. "Huân chương Lao động" hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 02 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại hiệu quả cao trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh và được cơ quan, tổ chức

đơn vị thuộc bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh, công nhận; có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 03 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp huyện công nhận.

3. "Huân chương Lao động" hạng Ba để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương và được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận;

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh và 01 Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh.

4. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ban, ngành trung ương, tỉnh công nhận, đề nghị.

Huân chương Độc lập các hạng, Huy hiệu tỉnh, Kỷ niệm chương, danh hiệu thi đua,..., các hình thức khen thưởng khác không quy định tại Quyết định này thì được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương III
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRAO TẶNG; QUY TRÌNH XÉT CHỌN; TUYẾN TRÌNH; THỦ TỤC HỒ SƠ

Mục 1
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG

Điều 27. Thẩm quyền quyết định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng", "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh".

Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị của trung ương tham gia phong trào thi đua của tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" và "Giấy khen".

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Gia đình văn hóa".

Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

4. Người lao động, tập thể người lao động làm việc tại Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty liên doanh nước ngoài, hợp tác xã trong các ngành nghề, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại,...do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", Giấy khen.

Điều 28. Thẩm quyền trao tặng

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua.

2. Việc tổ chức và trao tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là dịp để biểu dương, tôn vinh những điển hình tiên tiến, do vậy phải tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả, có sức lan tỏa, nêu gương. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình và được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của tỉnh cho các tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý vào hội nghị sơ kết, tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị hoặc lồng ghép vào các hội nghị có nội dung liên quan, để tiết kiệm thời gian và chi phí (thay văn bản ủy quyền).

3. Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền và được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý bằng Lễ trao phần thưởng cao quý của Nhà nước; hoặc vào hội nghị sơ kết, tổng kết năm công tác của tỉnh hoặc lồng ghép vào các hội nghị có nội dung liên quan để tiết kiệm thời gian và chi phí (thay văn bản ủy quyền).

Mục 2
QUY TRÌNH XÉT CHỌN

Điều 29. Quy trình xét khen thưởng

1. Các bước tiến hành:

a) Đối với tập thể nhỏ và đơn vị cơ sở *(các phòng, ban thuộc sở; UBND xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố và tương đương)*:

- Tổ chức cuộc họp toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức xét chọn, bình bầu những cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác (Đối chiếu với các tiêu chuẩn của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng và Qui

định này). Đối tượng đủ tiêu chuẩn trình khen phải được 2/3 tổng số cán bộ, công nhân viên biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Số người tham gia cuộc họp bình xét phải đạt từ 80% tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong tập thể.

- Lập biên bản kết quả bình xét; đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, địa phương xét trình Thủ trưởng đơn vị, địa phương quyết định khen thưởng, công nhận danh hiệu thi đua hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

b) Đối với tập thể có quy mô lớn *(sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và tương đương)*:

- Trên cơ sở kết quả bình xét của các tập thể nhỏ và các đơn vị cơ sở, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, địa phương tiến hành họp xem xét, bình chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Thủ trưởng đơn vị ra quyết định khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua, hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng (lập biên bản kết quả bình xét).

- Đối tượng đủ tiêu chuẩn được khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng phải được 2/3 thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có mặt biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Cuộc họp bình xét của Hội đồng TĐ-KT đơn vị, địa phương phải có mặt ít nhất 70% tổng số thành viên Hội đồng.

c) Trên cơ sở bình xét của các đơn vị, địa phương trong tỉnh, Sở Nội vụ tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ và thực hiện theo quy trình.

2. Quy trình xét khen thưởng cấp tỉnh:

a) Đối với khen thưởng thường xuyên: Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ thẩm định tiêu chuẩn trình trực tiếp UBND tỉnh, gồm: Cờ thi đua tỉnh, Bằng khen cấp tỉnh, danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng".

b) Đối với khen thưởng cụm, khối thi đua hàng năm: Đối với danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", "Cờ thi đua cấp tỉnh", "Bằng khen cấp tỉnh", Sở Nội vụ thẩm định trình qua Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tỉnh, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh, trình UBND tỉnh quyết định khen thưởng.

c) Đối với khen thưởng thành tích theo chuyên đề, thành tích xuất sắc đột xuất: Sở Nội vụ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Quy trình xét khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Các danh hiệu thi đua; danh hiệu vinh dự nhà nước; các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước khen thưởng theo quy định.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương khi trình các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho tập thể, cá nhân thuộc trực thuộc quản lý phải thông qua cấp ủy đảng cùng cấp cho ý kiến bằng văn bản.

4. Quy trình giới thiệu, đề cử các Giải thưởng:

Trên cơ sở Quy chế (hoặc quy định hoặc hướng dẫn) của Ban Tổ chức giải thưởng, Sở Nội vụ thực hiện theo quy trình:

a) Sở Nội vụ phối hợp với các ngành chức năng giới thiệu đối tượng tập thể, cá nhân tham gia Giải thưởng.

b) Trên cơ sở giới thiệu, đề cử của các ngành chức năng, Sở Nội vụ có văn bản đề nghị tập thể, cá nhân tự nguyện đăng ký tham gia (không bắt buộc).

c) Tập thể, cá nhân tự nguyện đăng ký tham gia Giải thưởng gửi về Sở Nội vụ (hồ sơ thủ tục theo quy định).

d) Sở Nội vụ phối hợp với các ngành có liên quan xem xét, thẩm định tiêu chuẩn theo Quy chế của Giải thưởng.

e) Trình Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Tỉnh, trình UBND Tỉnh xem xét, giới thiệu, đề cử đến Ban Tổ chức Giải thưởng (trường hợp Quy chế của Ban Tổ chức giải thưởng không quy định có thủ tục thông qua Hội đồng TĐKT Tỉnh, nhưng để đảm bảo chặt chẽ hồ sơ thủ tục, đảm bảo đúng đối tượng, đúng thành tích vẫn phải thông qua Hội đồng TĐ-KT tỉnh cho ý kiến trước khi đề cử, giới thiệu).

5. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp tỉnh họp và cho ý kiến thống nhất; tập thể, cá nhân được đề cử, giới thiệu phải có từ 70% trở lên thành viên Hội đồng chấp thuận, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

Mục 3
TUYẾN TRÌNH, THỦ TỤC, HỒ SƠ

Điều 30. Quy định chung về tuyến trình và thủ tục, hồ sơ

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng (trường hợp cá nhân là kiêm nhiệm Chủ tịch HĐND tỉnh thì do cơ quan giữ chức vụ chính trình khen thưởng).

3. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

c) Liên đoàn Lao động Tỉnh khen thưởng và trình Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đối với: Các ban, đơn vị sự nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn do

Liên đoàn Lao động tỉnh quản lý; Liên đoàn Lao động cấp huyện; Công đoàn ngành cấp tỉnh; Công đoàn Viên chức tỉnh; Công đoàn khu công nghiệp tỉnh; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

4. Đối với các hội: các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp thuộc tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng (cấp huyện tương tự).

5. Đối với các tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh:

a) Đối với đơn vị có đăng ký tham gia Khối thi đua tỉnh: Đơn vị khen thưởng theo thẩm quyền và trình UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng (quy trình thực hiện tương tự như sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh).

b) Đơn vị thành viên của doanh nghiệp, nhưng hạch toán độc lập và thực hiện nghĩa vụ ở địa phương khác do người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

6. Khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo thuộc tỉnh: do Ban Chỉ đạo về tôn giáo các cấp xem xét, đề nghị Ủy ban nhân dân cùng cấp khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

7. Trường hợp tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp ngoài tỉnh có thành tích đóng góp cho các địa phương trong tỉnh, do địa phương được thụ hưởng xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét, trình Chính phủ khen thưởng.

8. Hiệp y khen thưởng:

a) Sở Nội vụ lấy ý kiến hiệp y với sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội tỉnh đối với các phòng, ban thuộc cấp huyện có hệ thống ngành dọc ở cấp tỉnh, trước khi trình các hình thức khen thưởng cấp tỉnh, cấp nhà nước gồm: Tập thể phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và cá nhân là Thủ trưởng của tập thể phòng, ban đó.

Những trường hợp khen thưởng có yếu tố nước ngoài, Sở Nội vụ phối hợp với Công an Tỉnh, Sở Ngoại vụ, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh và một số ngành chức năng có liên quan để xem xét, cho ý kiến về việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trước khi trình UBND tỉnh khen thưởng.

Khi có văn bản xin ý kiến của Sở Nội vụ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời. Sau 05 ngày làm việc, nếu không có ý kiến trả lời, được xem như đồng ý. Các cơ quan liên quan khi nhận được văn bản xin ý kiến hiệp y phải cho ý kiến đúng về nội dung, thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nội dung đã cho ý kiến. Sở Nội vụ xin ý kiến hiệp y những nội dung nào thì nêu rõ ý kiến về những nội dung đó.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến hiệp y thành tích đối với những trường hợp do bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội trung ương yêu cầu.

- Đối với hồ sơ do bộ, ban, ngành trung ương đề nghị UBND tỉnh hiệp y: Sở Nội vụ có Tờ trình, trình UBND tỉnh xem xét (kèm theo Công văn của bộ, ban, ngành trung ương và báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng).

- Đối với hồ sơ do cơ quan, đơn vị, địa phương ở tỉnh đề nghị hiệp y: Sở Nội vụ có Tờ trình, trình UBND tỉnh xem xét (kèm theo Tờ trình, Biên ban họp xét khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen và Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng).

9. Đối với những cơ quan, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

Riêng hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với doanh nghiệp phải có báo cáo kết quả kiểm toán trong thời gian từ 05 năm trở lên trước khi đề nghị khen thưởng (khen cấp nhà nước). Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

10. Quy định thời gian 02, 03, 05, 10 năm,… tiếp theo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì phải đủ 02, 03, 05, 10 năm,… trở lên mới được trình khen thưởng (trừ khen theo chuyên đề, đột xuất).

11. Mức đóng góp về công sức, đất đai, tài sản, vật chất được quy định để xem xét, tặng thưởng Giấy khen, Bằng khen cấp tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ là chỉ một lần đóng góp hoặc cộng dồn trong năm đối với trường hợp mức đóng góp lớn.

12. Sở Nội vụ lấy ý kiến nhân dân trên Báo Đồng Tháp, Cổng thông tin điện tử tỉnh, website: hdtdkt.dongthap.gov.vn trong thời hạn 15 ngày làm việc đối với các hình thức khen cấp Nhà nước.

13. Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng:

- Đối với cá nhân (nông dân, công nhân, người lớn tuổi,...., tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện để khen thưởng, hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng; báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

- Trong một hình thức khen thưởng có quy định các tiêu chuẩn khác nhau, mỗi tiêu chuẩn cần phải báo cáo thành tích khác nhau. Báo cáo thành tích phải có đủ các căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định.

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và cấp trình khen thưởng (Kèm phụ lục xác nhận).

(Báo cáo thành tích thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ).

14. Hồ sơ, thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ khen, các đơn vị, địa phương đồng thời gửi các File điện tử của hồ sơ trình khen (ở định dạng xxx.DOC trở

lên đối với Tờ trình, Biên bản, Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị, ở định dạng xxx.pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) đến Sở Nội vụ, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

15. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp trình khen chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh. Cụ thể:

- Nội dung báo cáo thành tích;

- Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, tổ chức đảng, đảng viên (đối với tập thể có tổ chức đảng, cá nhân là đảng viên);

- Kết quả công nhận sáng kiến, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được kê khai trong báo cáo thành tích.

Điều 31. Thủ tục hồ sơ cấp tỉnh

1. Khen thưởng thường xuyên: Nộp 01 bộ bản chính, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình UBND tỉnh.

b) Biên bản bình xét kết quả biểu quyết, hoặc bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cùng cấp.

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

d) Các văn bản chứng minh kèm theo.

2. Khen thưởng theo chuyên đề: Hồ sơ nộp 02 bộ bản chính, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng.

b) Biên bản bình xét kết quả biểu quyết, hoặc bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cùng cấp.

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (đối với trường hợp đối tượng là nông dân thì chỉ cần tóm tắt trích ngang thành tích).

d) Các văn bản có liên quan nội dung của chuyên đề thi đua.

Điều 32. Hồ sơ thủ tục cấp Nhà nước

1. Số lượng hồ sơ:

- Cờ thi đua Chính phủ; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc: 03 bộ bản chính (trường hợp có hiệp y với bộ, ngành trung ương thì tăng thêm 01 bản).

- Huân chương các loại: 04 bộ bản chính (Huân chương hạng nhất tăng thêm 01 bộ; trường hợp xin ý kiến hiệp y với bộ, ngành trung ương tăng thêm 01 bộ).

Ví dụ: hồ sơ đề nghị Huân chương lao động hạng nhất đối với tập thể Sở A; số lượng nộp về tỉnh là 06 bộ (do Huân nhất tăng thêm 01 bộ và lấy ý kiến hiệp y với Bộ A 01 bộ; nên tổng cộng là 06 bộ).

2. Hồ sơ, thủ tục, gồm:

a) Tờ trình của cấp trình UBND tỉnh.

b) Biên bản bình xét của Hội đồng TĐ-KT cùng cấp.

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp, xác nhận của cấp trình UBND tỉnh; các căn cứ đã được khen thưởng.

d) Báo cáo tóm tắt Sáng kiến (đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc).

e) Các văn bản chứng minh kèm theo.

Điều 33. Hồ sơ thủ tục đơn giản (thành tích xuất sắc, đột xuất theo Điều 85 của Luật Thi đua, Khen thưởng):

1. Khen thưởng cấp tỉnh: Nộp 02 bộ;

2. Khen thưởng cấp nhà nước: Nộp 04 bộ, gồm:

3. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng.

b) Tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 34. Trình tự, thời gian thẩm định và thông báo kết quả trình khen

1. Thời gian nộp hồ sơ:

a) Đối với khen thưởng thành tích thường xuyên hàng năm đơn vị, địa phương nộp hồ sơ tại Sở Nội vụ chậm nhất đến **ngày 30/01 năm sau**; khen thưởng theo năm học của ngành giáo dục – đào tạo nộp chậm nhất đến **ngày 01/8 hàng năm**.

b) Đối với khen thưởng theo đợt hoặc theo chuyên đề gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc; khen thưởng đột xuất gửi sau 03 ngày phát hiện thành tích.

2. Thời gian thẩm định hồ sơ:

a) Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện: Bộ phận, cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng thẩm định, trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng tại tỉnh:

- Hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp tỉnh: Thời gian thẩm định tại Sở Nội vụ không quá 10 ngày làm việc; tại Văn phòng UBND tỉnh không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

- Hồ sơ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước: sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình Chính phủ, Sở Nội vụ hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình Chính phủ theo quy định (qua Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

3. Thông báo kết quả khen thưởng:

- Hồ sơ, thủ tục chưa đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong 03 ngày làm việc cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo trả kết quả cho đơn vị trình khen biết.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định thông báo kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen biết.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước, Sở Nội vụ thông báo kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen biết.

4. Thời gian trình Chính phủ, Chủ tịch Nước:

- Cờ Chính phủ: hạn chót ngày **31/3 hàng năm**; lĩnh vực giáo dục và đào tạo hạn chót **ngày 15/10 hàng năm.**

- Chiến sĩ thi đua toàn quốc: hạn chót ngày **31/10 hàng năm**.

- Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: hạn chót ngày 30/6 hàng năm; lĩnh vực giáo dục và đào tạo hạn chót ngày **15/10 hàng năm**.

Trừ khen thưởng theo thành tích chuyên đề, thành tích xuất sắc đột xuất.

Chương VI
QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 35. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Lập quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành từ ngân sách nhà nước, từ quỹ khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Nghiêm cấm sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

Điều 36. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc tỉnh và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau:

a) Quỹ thi đua khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài;

b) Quỹ thi đua khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc tỉnh và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

2. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp nhà nước được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị

định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

4. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 3 Điều này) do doanh nghiệp tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã (mức trích do hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

Điều 37. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng trong quy định này được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng) và được sử dụng để:

a) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, huy hiệu, cờ thi đua, hộp, khung,...);

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;

c) Sở Nội vụ chi các khoản kinh phí để in ấn và làm hiện vật khen thưởng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm để cấp phát kèm theo các hình thức khen thưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng;

d) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

Chi chế độ làm việc của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hội đồng xét duyệt sáng kiến từng cấp. Cơ quan, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng tham mưu, đề xuất mức chi cụ thể.

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ Thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng; còn được thưởng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ theo nguyên tắc:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn (Ví dụ: khen ở cấp tỉnh mức thưởng cao hơn khen thưởng ở cấp huyện; cấp huyện cao hơn ở cấp xã,...);

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

Ví dụ: Năm 2017, một cá nhân vừa được Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, vừa được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở thì được nhận mức tiền thưởng cao nhất của danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

Ví dụ: Năm 2017, một cá nhân vừa được Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; vừa được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh thành tích xuất sắc 03 năm liên tục từ năm 2015, 2016, 2017 thì được nhận tiền thưởng của cả hai danh hiệu.

e) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Ví dụ: Năm 2017, cá nhân được Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, vừa được Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng Bằng khen 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm 2016, 2017 thì được nhận tiền thưởng cả hai.

3. Khen thưởng đóng góp an sinh xã hội, từ thiện xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp: Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài được tặng Bằng khen và kèm theo tặng phẩm lưu niệm của tỉnh (không thưởng tiền).

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị, địa phương (Khen thưởng cho phong trào thi đua bảo đảm trật tự an toàn giao thông trích từ nguồn kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông từ ngân sách tỉnh cấp hàng năm).

5. Khen thưởng cho Vận động viên, Huấn luyện viên xuất sắc:

a) Đối với trường hợp, ngoài tiền thưởng kèm theo Huy chương, mà được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ thêm tiền theo quy định riêng của tỉnh thì tặng Bằng khen và kèm theo tặng phẩm lưu niệm (không thưởng tiền).

b) Đối với trường hợp, ngoài tiền thưởng kèm theo Huy chương mà không được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ theo quy định riêng tại điểm a, khoản này thì tặng Bằng khen và kèm tiền thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 38. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng phối hợp với cơ quan tài chính cấp đó quản lý. Đối với cấp tỉnh, nguồn kinh phí chi cho công tác thi đua, khen thưởng do Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính

quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan các cấp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.

Các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng thì tỉnh có trách nhiệm chi thưởng từ ngân sách nhà nước của cấp tỉnh và hạch toán chi thành mục riêng.

Cá nhân được nhận danh hiệu Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sỹ, Nghệ nhân (nhân dân và ưu tú) thuộc tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét, phong tặng thì tỉnh chi trả tiền thưởng và hạch toán chi thành mục riêng.

Điều 39. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

1. Nguyên tắc tính tiền thưởng:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng.

b) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

c) Đối với trường hợp tặng Bằng khen, Giấy khen,... thưởng kèm theo là tặng phẩm lưu niệm thì quyết toán theo giá trị thực tế của vật phẩm đó, không quyết toán theo mức thưởng của cá nhân hoặc tập thể theo quy định hiện hành. Nhưng không vượt quá mức tiền thưởng theo quy định của tập thể hoặc cá nhân.

Ví dụ: tặng Bằng khen tỉnh cho ông A, thưởng kèm theo là bức tranh trị giá 500.000 đồng, thì quyết toán đúng 500.000 đồng, không được quyết toán 1.300.000 đồng theo mức thưởng của cá nhân hiện hành.

2. Mức tiền thưởng:

2.1. Danh hiệu thi đua

a) Đối với cá nhân:

- Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được tặng Bằng, Huy hiệu và được thưởng 4,5 lần mức lương cơ sở;

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được tặng Bằng chứng nhận, huy hiệu và được thưởng 3,0 lần mức lương cơ sở;

- Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở;

- Danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

b) Đối với tập thể:

- Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;

- Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" được thưởng 0,8 lần mức lương cơ sở;

- Danh hiệu "Ấp văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa" được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;

- Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" được tặng cờ và được thường 12,0 lần mức lương cơ sở;

- Danh hiệu Cờ thi đua cấp tỉnh được tặng cờ và được thưởng 8,0 lần mức lương cơ sở.

2.2. Mức tiền thưởng Huân chương các loại:

a) Đối với cá nhân:

- "Huân chương Độc lập" hạng nhất: 15,0 lần mức lương cơ sở.

- "Huân chương Độc lập" hạng nhì: 12,5 lần mức lương cơ sở.

- "Huân chương Độc lập" hạng ba: 10,5 lần mức lương cơ sở.

- "Huân chương Lao động" hạng nhất: 9,0 lần mức lương cơ sở.

- "Huân chương Lao động" hạng nhì: 7,5 lần mức lương cơ sở.

- "Huân chương Lao động" hạng ba: 4,5 lần mức lương cơ sở.

b) Tập thể được tặng thưởng Huân chương các loại, được tặng thưởng Bằng, Huân chương kèm theo mức tiền thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm a, khoản này.

2.3. Mức tiền thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước:

a) Bà mẹ được tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng" được tặng Huy hiệu, Bằng danh hiệu và được kèm theo mức tiền 15,5 lần mức lương cơ sở.

b) Cá nhân được tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động" được tặng Bằng, Huy hiệu và được thưởng 15,5 lần mức lương cơ sở.

Tập thể được tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động" được tặng Bằng, Huy hiệu và kèm theo mức tiền thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân.

c) Cá nhân được phong tặng danh hiệu: "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú", "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú", "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú", "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" được tặng thưởng Huy hiệu, Bằng khen và mức tiền thưởng đối với danh hiệu "nhân dân" là: 12,5 lần mức lương cơ sở; danh hiệu "ưu tú" là 9,0 lần mức lương cơ sở.

2.4. Mức tiền thưởng "Giải thưởng Hồ Chí Minh" và "Giải thưởng Nhà nước":

a) "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về khoa học và công nghệ và "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học nghệ thuật được cấp Bằng và tiền thưởng 270,0 lần mức lương cơ sở.

b) “Giải thưởng Nhà nước” về khoa học và công nghệ và “Giải thưởng Nhà nước” về văn học nghệ thuật được cấp Bằng và tiền thưởng 170,0 lần mức lương cơ sở.

2.5. Mức tiền thưởng Bằng khen, Giấy khen:

a) Đối với cá nhân:

- “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng Bằng và được thưởng 3,5 lần mức lương cơ sở;

- Bằng khen cấp tỉnh được tặng Bằng và được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở;

- Cá nhân được tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện, của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được kèm theo mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở;

- Cá nhân được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được kèm theo mức tiền thưởng 0,15 lần mức lương cơ sở.

b) Đối với tập thể:

- Tập thể được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, Bằng khen cấp tỉnh được tặng Bằng và được thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm a khoản này.

- Tập thể được tặng Giấy khen các cấp được kèm theo tiền thưởng gấp hai lần tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm a khoản này.

- Tiền thưởng kèm theo Bằng khen của UBND tỉnh cho đơn vị được bình bầu, suy tôn trong Khối, Cụm thi đua của tỉnh theo quy định tại Khoản 3, Điều 22 quyết định này, bằng 50% mức tiền thưởng đối với Cờ thi đua cấp tỉnh.

c) Tiền thưởng kèm theo Bằng khen của UBND tỉnh cho trường hợp đạt giải trong các hội thi, hội diễn quốc tế, tài năng trẻ. Các trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm,…tùy theo thành tích đạt được và phạm vi tác dụng noi gương để qui định mức thưởng nhưng không quá 05 lần mức tiền thưởng qui định; Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

d) Mức tiền thưởng cho Hộ gia đình: do chưa có quy định mức tiền thưởng Bằng khen tỉnh và Giấy khen cho Hộ gia đình. Do vậy trước mắt, áp dụng như mức tiền thưởng đối với tập thể.

2.6. Mức tiền thưởng Huy chương:

Cá nhân được tặng Huy chương các loại, được tặng Bằng, Huy chương và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở.

2.7. Các quyền lợi khác:

Cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, được tặng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, ngoài việc được khen thưởng theo quy định của quy định này, được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm

trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Chương VII
QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; TƯỚC VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 40. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 41. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

Trung thực trong báo cáo thành tích; kê khai chính xác các quyết định công nhận sáng kiến, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và kết quả đánh giá chất lượng tổ chức đảng, kết quả xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và đảng viên,...(không được gian dối).

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng, không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

3. Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 42. Hủy bỏ quyết định khen thưởng

1. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen, danh hiệu thi đua thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân kê khai gian dối thành tích để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm có:

a) Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng.

b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, mà sau đó có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc có sai phạm, khuyết điểm trong khoảng thời gian tính thành tích đề nghị tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng thì tùy theo mức độ sai phạm, khuyết điểm để hạ mức khen thưởng hoặc hủy bỏ quyết định khen thưởng theo quy định (trừ những cá nhân đã hy sinh, từ trần).

5. Sau khi có quyết định hủy bỏ hình thức khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp; số tiền thưởng thu nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định (hồ sơ giao nộp gồm: công văn giao nộp; hiện vật, tiền thưởng,...).

Điều 43. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu

1. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước mà vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và bị tuyên án từ hình phạt tù có thời hạn trở lên thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, UBND tỉnh có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định việc tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh hoàn chỉnh các thủ tục đề nghị tước danh hiệu đảm bảo đúng thời gian quy định.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch nước, Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh thu hồi hiện vật khen thưởng; thu hồi tiền thưởng và nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

4. Cá nhân bị xét xử oan, sai và đã được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì được xem xét phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước.

5. Hồ sơ đề nghị tước, đề nghị phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước gồm:

a) Tờ trình của cấp trực tiếp trình khen.

b) Báo cáo tóm tắt, nêu rõ nội dung hoặc giải trình lý do đề nghị và ý kiến của cấp có thẩm quyền.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội -

nghề nghiệp, tổ chức xã hội cùng cấp để tổ chức phát động, hưởng ứng các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh phát động; tổ chức phát động, triển khai các phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; tổ chức bồi dưỡng, phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình tiên tiến. Tập thể, cá nhân được khen thưởng có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm nêu gương tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua; trao đổi, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua.

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và của Quy định này.

Điều 45. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh phát động, các phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; hướng dẫn tổ chức, triển khai thực hiện các phong trào thi đua cho các ngành, các địa phương.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định nhận xét, đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng đối với tập thể thuộc UBND tỉnh và tập thể thuộc và trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh để làm cơ sở xét khen thưởng (tương tự như cá nhân đã được đánh giá, xếp loại theo Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức hiện hành).

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định về công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh để công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến các cấp, áp dụng trong thi đua, khen thưởng.

2. Phòng Nội vụ căn cứ vào các phong trào thi đua của tỉnh phát động, căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh hàng năm, 5 năm và các nhiệm vụ chính trị đột xuất, quan trọng khác để tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Đảng, chính quyền cấp mình về chủ trương, chương trình, kế hoạch, mục tiêu, nội dung, biện pháp tổ chức thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên trong việc hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức, kiểm tra các phong trào thi đua; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; thẩm định và kịp thời đề xuất các hình thức khen thưởng.

3. Văn phòng hoặc Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh (hoặc tương đương) tham mưu giúp Thủ trưởng đơn vị phát động phong trào thi đua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

Điều 46. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này. Ban Thi đua - Khen thưởng Tỉnh có trách nhiệm tham mưu, giúp Giám đốc Sở triển khai thực hiện Quy định này đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh. Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, đôn đốc nhằm thực hiện có hiệu quả các nội dung tại Quy định này.

Điều 47. Trách nhiệm của cơ quan thông tin đại chúng

1. Thường xuyên, kịp thời tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền, tăng cường các chuyên trang, chuyên mục để định hướng dư luận, lấy ý kiến nhân dân về các trường hợp đề nghị danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

3. Phát hiện, cổ vũ, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua. Giới thiệu, đề cử với cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp xem xét, khen thưởng.

4. Đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng, góp phần hạn chế, đẩy lùi các mặt tiêu cực trong xã hội.

Điều 48. Điều khoản thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Đồng thời ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý làm cơ sở xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

Riêng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, các quy định xét thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và của ngành dọc cấp trên.

2. Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trích lập và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo hàng năm hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành giáo dục và đào tạo thuộc tỉnh.

4. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch căn cứ Quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định công nhận Gia đình văn hóa; Khóm, Ấp văn hóa và các hình thức khen thưởng thuộc lĩnh vực văn hóa,..v.v.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ảnh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Digitally signed by Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
DN: c=VN, o=Tỉnh Đồng Tháp, l=Đồng Tháp, cn=Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
Date: 2018.03.22 09:45:38 +07'00'

Nguyễn Văn Dương